TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án: **04** /2019/DS- ST
Ngày 01 / 10 / 2019
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát; 2. Bà Hoàng Thị Chung;

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Phượng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/TLST- DS, ngày 12/02/2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX – ST, ngày 30 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐDS - ST ngày 27/8/2019, Thông báo phiên tòa số: 02/2019/TB ngày 18/9/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Lục Văn N, sinh năm 1965; Có mặt.
Bà Lê Thị T, sinh năm 1962; Có mặt.
Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** 1) Ông Vũ Quang Đ, sinh năm 1979; Có mặt.
Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1979; Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.
2) Ông Lâm Đình C, sinh năm 1952; Có mặt.
Bà Vi Thị H, sinh năm 1956; Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N: Bà Giáp Thị H, bà Võ Thị An B – Trợ giúp viên pháp lý, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**
1. Anh Lâm Đức T1, sinh năm 1976; Vắng mặt.
2. Anh Lâm Văn T2, sinh năm 1979; Vắng mặt.
3. Anh Lâm Văn T3, sinh năm 1983; Vắng mặt.

4. Anh Lâm Thế T4, sinh năm 1985; Vắng mặt.

Đều trú tại thôn P, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

5. Chị Lục Thị H1, sinh năm 1983; Vắng mặt.

6. Anh Lục Văn H, sinh năm 1985; Vắng mặt.

7. Anh Lục Văn T5, sinh năm 1990; Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

8. Chị Lục Thị Th, sinh năm 1988; Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu H, thị trấn N, huyện N,T. Hải Dương.

9. UBND huyện S, do ông Lâm Văn B, chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và môi trường là người đại diện theo ủy quyền. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

(Chị H1, anh H, anh Th, chị T5và ông N đã ủy quyền cho bà Lê Thị T là người đại diện tham gia tố tụng; anh T1, anh T2, anh T3, anh T4 và bà H đã ủy quyền cho ông Lâm Đình C là người đại diện tham gia tố tụng; bà N đã ủy quyền cho ông Vũ Quang Đ là người đại diện tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn ông Lục Văn N, bà Lê Thị T trình bầy:

Lô đất của gia đình ông bà do gia đình quản lý, trồng màu và bảo vệ rừng từ năm 1982; năm 1995 gia đình ông bà được chính quyền địa phương và cơ quan lâm nghiệp huyện Sơn Động giao cho quản lý chăm sóc và bảo vệ rừng 01 lô đất lâm nghiệp diện tích là 50.000m^2. Ngày 30/8/1995 được UBND huyện Sơn Động cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ bìa xanh), diện tích là 5ha, thuộc lô 2, khoảnh 26 thôn Nà Tèng, xã Vân Sơn. Ngày 09/11/1999 được UBND huyện Sơn Động cấp chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chuyển đổi từ sổ bìa xanh sang sổ bìa đỏ), ghi tên hộ ông Lục Văn N. Từ khi nhận đất gia đình ông bà vẫn quản lý, chăm sóc và bảo vệ rừng.

Nguyên nhân xảy ra tranh chấp: Trước năm 2008 gia đình ông Vũ Quang Đ và gia đình ông Lâm Đình C có đất ở liền kề đã tự ý phát quang trồng cây Thông, keo trên đất gia đình ông bà, gia đình ông bà đã nhắc nhở nhưng gia đình ông Đ, ông C không nghe; tiếp theo đến năm 2016 gia đình ông Vũ Quang Đ và gia đình ông Lâm Đình C đã tiếp tục lấn đất, phát quang trồng cây keo lên diện diện tích đất của gia đình ông bà, cụ thể như sau: Gia đình ông Đ 18.811m^2; Gia đình ông C 12.421m^2 trên diện tích đất mà gia đình ông bà đã được UBND huyện Sơn Động cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông bà đã yêu cầu trả đất nhiều lần nhưng gia đình ông Đ, gia đình ông C không nghe mà vẫn cố tình giữ đất trồng cây keo, thông và cây khác từ đó cho đến nay.

UBND xã đã tiến hành hòa giải kết luận: Đất tranh chấp là của gia đình ông bà, nhưng các hộ gia đình trên không đồng ý trả.

Nay ông bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết: Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa gia đình ông bà với gia đình ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N về gia đình ông Đ trả lại diện tích đất tranh chấp 18.811m^2. Buộc gia đình ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H phải trả cho gia đình ông bà diện tích đất 12.421m^2 để gia đình ông bà quản lý, sử dụng; về cây trên đất do hộ gia đình ông C trồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra ông bà không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

2. Bị đơn ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N xác nhận một phần lời khai của nguyên đơn ông N, bà T; tại bản tự khai, lời trình bầy trong quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa ông Định trình bầy:

Đất của gia đình ông bà là do bố mẹ vợ là cụ Hoàng Văn Đ và cụ Chu Thị Đ (Bố mẹ đều đã chết) có diện tích đất lâm nghiệp 08ha, tháng 4/2009 bố mẹ đã tặng cho bà (N) quản lý, sử dụng một phần đất, diện tích tặng cho là 1ha. Ngày 27 tháng 7 năm 2009 bà được Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ là AP765938 diện tích là 01ha, mục đích đất là rừng tái sinh, thuộc lô 05 khoảnh 08 thôn Biếng, xã An Lạc, huyện Sơn Động ghi tên bà Hoàng Thị N.

Nguyên nhân xẩy ra tranh chấp: Là do đất gia đình ông bà có đất liền kề với lô đất gia đình ông N, bà T và do gia đình không rõ về ranh giới đất nên có làm nhầm lẫn.

Nay ông bà đã thỏa thuận được việc tranh chấp đất với gia đình ông N, bà T; ông bà đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa hai bên, theo biên bản thỏa thuận ngày 18/9/2019 đã nộp tại phiên tòa.

3. Bị đơn ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H xác nhận một phần lời khai của bên nguyên đơn; tại bản tự khai, lời trình bầy trong quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa ông C trình bầy:

Năm 1995 gia đình ông bà được chính quyền địa phương và Hạt kiểm lâm huyện Sơn Động giao cho quản lý, chăm sóc bảo vệ rừng 01 lô đất lâm nghiệp diện tích là 79.000m^2, ngày 03/8/1995 được UBND huyện Sơn Động cấp giấy chứng nhận quyền quản lý kinh doanh rừng và đất lâm nghiệp (sổ bìa xanh). Ngày 12/2/1999 gia đình ông bà được UBND huyện Sơn Động cấp chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ sổ bìa xanh sang sổ bìa đỏ), diện tích 7,9ha thuộc lô 27 khoảnh 26 thôn Phe, xã Vân Sơn ghi tên hộ ông Lâm Văn C.

Nguyên nhân xẩy ra tranh chấp: Đất lô 27 khoảnh 26 của gia đình ông bà có đất liền kề với lô đất gia đình ông N, khi gia đình đang quản lý trồng cây thì năm 2016 gia đình ông N cho rằng đất gia đình ông bà làm có 1 phần là đất của gia đình ông N.

Gia đình ông bà đã được UBND huyện Sơn Động giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình vẫn quản lý, bảo vệ rừng và trồng cây phát triển kinh tế đúng diện tích được giao; gia đình không lấn chiếm đất của gia đình ông N nên gia đình không đồng ý trả đất. Gia đình ông bà đề nghị

Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

4. Lời trình bày của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lục Thị H1, anh Lục Văn H2, anh Lục Văn T1 và chị Lục Thị Th trình bầy trong bản tự khai và lời khai có trong hồ sơ có ý kiến, quan điểm như nguyên đơn ông Lục Văn N là người đại diện theo ủy quyền trình bầy.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lâm Đức T1, anh Lâm Văn T2, anh Lâm Văn T3 và anh Lâm Thế T4 trình bầy trong bản tự khai có trong hồ sơ, có ý kiến, quan điểm như bị đơn ông Lâm Đình C là người đại diện theo ủy quyền trình bầy.

5. Quan điểm của bà Giáp Thị H, bà Võ Thị An B – Trợ giúp viên pháp lý, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang, là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N:

Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận giữa bị đơn ông Vũ Quang Đ với nguyên đơn ông Lục Văn Ni, bà Lê Thị T, sự thỏa thuận cụ thể như sau: Ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N trả cho gia đình ông Lục Văn N, bà Lê Thị T quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp tranh chấp 18.811m^2 thuộc lô 02, khoảnh 26, thôn Nà Tèng, xã Vân Sơn; có ranh giới tiếp giáp các điểm: Hướng Đông Bắc nối liền các điểm từ B – C – D - E = 163m; Hướng Nam nối liền các điểm từ E - U = 280m; Hướng Tây Bắc nối liền các điểm từ U - R – B = 329m.

Gia đình ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N có tài sản gắn liền trên đất gồm: 1.740 cây keo có đường kính gốc dưới 5cm; 2.437 cây keo có đường kính gốc từ 5cm – 10 cm; 2.785 cây keo có đường kính gốc trên 10cm; 346 cây thông có đường kính gốc 20cm và 130 cây tre; gia đình ông N, bà T nhất trí để cho gia đình ông Đ khai thác cây xong thì gia đình ông Đ trả lại đất, thời gian trả đất chậm nhất là hết tháng 02/2020 âm lịch.

6. Quan điểm của UBND huyện Sơn Động:

Quá trình giao đất và làm hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận cho gia đình ông Lục Văn N, gia đình ông Vũ Quang Đ và gia đình ông Lâm Đình C là đúng theo trình tự, thủ tục của Luật Đất đai hiện hành.

Sau khi giao đất các bên đã nhận tại thực địa và công nhận về giáp ranh giữa các hộ liền kề với nhau, gia đình ông N thừa diện tích đất 2.381m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là việc giao đất thời điểm đó bằng thủ công (giao theo mốc giới như: rông, rạch, cây lớn…..), từ nguyên nhân trên nên gia đình ông N dư thừa đất theo sổ được cấp. Diện tích đất dư thừa của gia đình ông N vẫn nằm trong lô 2, khoảnh 26 được giao theo bản đồ giao đất lâm nghiệp và mốc giới ban đầu. Do vậy, diện tích đất dư thừa 2.381m^2 thuộc quyền quản lý của gia đình ông N.

7. Kết quả xem xét, thẩm định:

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, Toà án cùng các cơ quan chuyên môn đã xem xét và thẩm định tại chỗ diện tích đất tranh chấp (hình thức đo đất bằng máy định vị GPS, về cây tính theo ô tiêu chuẩn), kết quả như sau:

7.1. Diện tích đất thực tế các hộ gia đình được giao theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với bản đồ giao đất lâm nghiệp 02.

Diện tích đất của gia đình ông Đ 1.0ha được tách ra từ lô l khoảnh 8 của gia đình ông Đ1 14,7ha, việc tách sổ có ghi lô khoảnh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Đ nhưng không được chia tách trên bản đồ giao đất 02; do vậy Lô 5 khoảnh 8 thôn Biểng, xã An Lạc diện tích là 1ha của gia đình ông Đ chưa được thể hiện trên bản đồ giao đất 02.

Diện tích đất của gia đình ông C được giao tại lô 27 khoảnh 26 theo sổ là 7,9ha, thực tế đo xác định theo lô khoảnh tại thực địa là 7,9ha.

Diện tích đất của gia đình ông N được giao tại lô 02 khoảnh 26 diện tích 50.000m^2, thực tế đo xác định hiện tại lô 02 đất là 52.381m^2, thừa so với sổ là 2.381m^2.

7.2. Về diện tích đất tranh chấp:

- Diện tích đất tranh chấp gia đình ông Lục Văn N khởi kiện gia đình ông Lâm Đình C, hiện gia đình bị đơn ông Lâm Đình C đang quản lý:

Hướng Đông Bắc nối liền các điểm từ A - V - B = 103m; Hướng Tây Nam nối liền các điểm từ L - R = 80m; Hướng Đông Nam nối liền các điểm từ B - R= 199m, Hướng Tây Bắc nói liền các điểm từ L – A = 197m. Tổng diện tích: 17.918m^2.

- Diện tích đất tranh chấp gia đình ông Lục Văn N khởi kiện gia đình bà Hoàng Thị N, ông Vũ Quang Đ, hiện gia đình bị đơn ông Vũ Quang Đ đang quản lý:

Hướng Đông Bắc nối liền các điểm từ B – C – D - E = 163m; Hướng Nam nối liền các điểm từ E - U = 280m; Hướng Tây Bắc nối liền các điểm từ U – R – B = 329m. Tổng diện tích: 18.811m^2.

7.3. Về tài sản trên đất đang tranh chấp của từng hộ gia đình: (Về cây keo và thông trên đất được tính theo ô tiêu chuẩn).

- Tài sản trên đất gia đình ông C đang quản lý xác định không nằm trong đất lô khoảnh của gia đình ông N:

Số cây keo trồng trên đất có đường kính gốc dưới 5cm: 1.304 cây; Số cây keo trồng trên đất có đường kính gốc từ 5cm – 10 cm: 1.826 cây; Số cây keo trồng trên đất có đường kính gốc trên 10cm: 2.086 cây;

- Tài sản trên đất gia đình ông C đang quản lý xác định nằm trong đất lô khoảnh của gia đình ông N: Cây keo 5.397m^2 (đường kính gốc dưới 5cm: 567 cây; đường kính gốc từ 5cm – 10 cm: 793 cây; đường kính gốc trên 10cm: 906 cây); có 12 cây vải thiều có đường kính tán rộng 7,3m.

- Tài sản trên đất gia đình ông Đ đang quản lý xác định nằm trong đất lô khoảnh của gia đình ông N: Cây keo có đường kính gốc dưới 5cm: 1.740 cây; cây keo có đường kính gốc từ 5cm – 10 cm: 2.437cây; cây keo có đường kính gốc trên 10cm: 2.785cây. cây thông có 346 đường kính gốc 20cm; có 04 bụi (trong đó có 4 bụi có 40 cây và 2 bụi có 25 cây) = 130cây tre.

7.4. Xác định diện tích đất tranh chấp thuộc lô, khoảnh nào theo bản đồ giao đất 02:

Đối chiếu giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình được giao với bản đồ giao đất lâm nghiệp 02 của UBND xã Vân Sơn đang quản lý, tổ công tác xác định diện tích đất tranh chấp nằm trong lô, khoảnh sau:

* Diện tích đất gia đình bị đơn ông Lâm Đình C đang quản lý có tranh chấp với gia đình ông Lục Văn N xác định nằm trong lô 02 khoảnh 26 của gia đình nguyên đơn ông Lục Văn N là 12.421m^2; gồm có các cạnh có độ dài như sau: Hướng Đông Bắc từ điểm V – B = 47m, Hướng Đông Nam từ điểm B – R = 199m, Hướng Tây Nam từ điểm R – L = 80m, Hướng Tây Bắc từ điểm L – V = 212m.

* Diện tích đất gia đình ông Lục Văn N khởi kiện cho rằng gia đình ông Lâm Đình C lấn chiếm xác định không nằm trong đất thuộc lô 02 khoảnh 26 của gia đình ông N là: 5.497m^2 mà nằm trong lô 27 khoảnh 26 của gia đình ông C; gồm có các cạnh có độ dài như sau: Hướng Đông Bắc từ điểm V – A = 56m, Hướng Đông Nam từ điểm V - L = 211m, Hướng Tây Nam điểm L = 0m, Hướng Tây Bắc từ điểm L – A = 197m.

* Diện tích đất gia đình ông Đ đang quản lý có tranh chấp mà gia đình ông N khởi kiện, xác định nằm trong lô 02 khoảnh 26 của gia đình ông N là 18.811m^2.

* Diện tích đất thuộc lô 02 khoảnh 26 của gia đình ông N mà các tổ chức, cá nhân khác đang quản lý gia đình ông N không khởi kiện: Ban quản lý bảo tồn tây yên tử: 7.677m^2; Gia đình ông T: 13.472m^2.

8. Kết quả định giá tài sản: Do các bên đương sự không thỏa thuận được giá trị, Hội đồng định giá tài sản huyện Sơn Động định giá như sau:

* Tài sản trên diện tích đất tranh chấp 12.421m^2 thuộc lô 2 khoảnh 26 của gia đình ông Lâm Đình C đang quản lý, gồm có: Cây keo có đường kính gốc dưới 5cm: 1.304 cây x giá 5000đ/cây = 6.520.000đ; cây keo có đường kính gốc từ 5cm – 10 cm: 1.826 cây x giá 8.500đ/cây = 15.521.000đ; cây keo có đường kính gốc trên 10cm: 2.086 cây x giá 15.000đ/cây = 31.290.000đ. Tổng cộng = 53.331.000đ.

* Tài sản trên diện tích đất tranh chấp 18.811m^2 gia đình ông Vũ Quang Đ đang quản lý, gồm có: Cây keo có đường kính gốc dưới 5cm:1.740cây x giá 5000đ/cây = 8.700.000đ; cây keo có đường kính gốc từ 5cm – 10 cm: 2.437 cây x giá 8.500đ/cây = 20.714.000đ; cây keo có đường kính gốc trên 10cm:

2.785cây x giá 15.000đ/cây = 41.775.000đ; cây thông 346 cây x 120.000đ/cây = 41.520.000đ và 130 cây tre x 13.000đ/cây = 1.690.000đ. Tổng cộng = 114.399.000đ.

Các bên đương sự trong vụ án có mặt và đều nhất trí với kết quả thẩm định, định giá không có ý kiến gì.

* Phần tranh luận của các đương sự tại phiên tòa: Các đương sự không có tranh luận.

* Phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tố tụng, về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyển vào nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 138; 166; 185; 357; 468 của Bộ luật dân sự. khoản 1 Điều 147, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 10; Điều 105; khoản 1 Điều 135 của Luật đất đai năm 2013. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án .

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lục Văn N, bà Lê Thị T đối với gia đình bị đơn ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Đức T1, anh Lâm Văn T2, anh Lâm Văn T3 và anh Lâm Thế T4.

Buộc bị đơn ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Đức T1, anh Lâm Văn T2, anh Lâm Văn T3 và anh Lâm Thế T4 phải trả cho gia đình ông Lục Văn N, bà Lê Thị T quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp tranh chấp 12.421m^2 thuộc lô 02, khoảnh 26, thôn Nà Tèng, xã Vân Sơn; có ranh giới tiếp giáp các điểm: Hướng Đông Bắc từ điểm V – B = 47m, Hướng Đông Nam từ điểm B – R = 199m, Hướng Tây Nam từ điểm R – L = 80m, Hướng Tây Bắc từ điểm L – V = 212m.

Về tài sản trên đất: Giao cho gia đình ông Lục Văn N, bà Lê Thị T được sở hữu toàn bộ tài sản do gia đình ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H tạo lập gắn liền trên đất gồm: 1.304 cây keo có đường kính gốc dưới 5cm; 1.826 cây keo có đường kính gốc từ 5cm – 10 cm và 2.086 cây keo có đường kính gốc trên 10cm.

Nguyên đơn ông Lục Văn N, bà Lê Thị T phải trả cho gia đình ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H số tiền giá trị tài sản trên đất (cây keo) là: 53.331.000đ;

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Lục Văn N, bà Lê Thị T với bị đơn ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N, sự thỏa thuận cụ thể như sau:

Ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N trả cho gia đình ông Lục Văn N, bà Lê Thị T quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp tranh chấp 18.811m^2 thuộc lô 02, khoảnh 26, thôn Nà Tèng, xã Vân Sơn; có ranh giới tiếp giáp các điểm: Hướng Đông Bắc nối liền các điểm từ B – C – D - E = 163m; Hướng Nam nối liền các điểm từ E - U = 280m; Hướng Tây Bắc nối liền các điểm từ U - R – B = 329m.

Gia đình ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N có tài sản gắn liền trên đất gồm: 1.740 cây keo có đường kính gốc dưới 5cm; 2.437 cây keo có đường kính gốc từ 5cm – 10 cm; 2.785 cây keo có đường kính gốc trên 10cm; 346 cây thông có đường kính gốc 20cm và 130 cây tre; gia đình ông N, bà T nhất trí để cho gia đình ông Đ khai thác cây xong thì gia đình ông Đ trả lại đất, thời gian khai trả đất chậm nhất là hết tháng 02/2020 âm lịch.

Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn đều là người dân tộc thiểu số thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Về phí thẩm định, định giá: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, yêu cầu của bị đơn không được chấp nhận nên bên bị đơn ông Đ, bà N; ông C, bà H phải chịu toàn bộ tiền thẩm định, định giá theo quy định của pháp luật; nhưng toàn bộ số tiền thẩm định, định giá ông N, bà T xin chịu thay cho ông Đ, bà N nên ông Đ, bà N không phải chịu nữa).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Chủ tịch UBND huyện Sơn Động ủy quyền cho ông Lâm Văn B đại diện tham gia tố tụng, giấy ủy quyền số: 1241/UBND-NC, ngày 28/8/2018; Ông Lục Văn N, chị Lục Thị H, anh Lục Văn H, anh Lục Văn T và chị Lục Thị Th ủy quyền cho bà Lê Thị T đại diện tham gia tố tụng; bà Vi Thị H và anh Lâm Đức T1, anh Lâm Văn T2, anh Lâm Văn T3 và anh Lâm Thế T4 ủy quyền cho ông Lâm Đình C đại diện tham gia tố tụng; bà Hoàng Thị N ủy quyền cho ông Vũ Quang Đ đại diện tham gia tố tụng là đúng quy định theo Điều 138 của Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa ông Lâm Văn B, bà Giáp Thị H và bà Võ Thị An B có đơn xin xét xử vắng mặt; do vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông B, bà H và bà B theo khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về nguồn gốc đất của gia đình ông Lục Văn N, bà Lê Thị T: Lô đất của gia đình ông N, bà T đã quản lý, trồng màu và bảo vệ rừng từ năm 1982, đến năm 1993 gia đình ông N, bà T được chính quyền địa phương và Hạt kiểm lâm huyện Sơn Động giao cho quản lý, chăm sóc và bảo vệ rừng 01 lô đất lâm nghiệp, diện tích là 50.000m^2. Ngày 30/8/1995 được UBND huyện Sơn Động

cấp chứng nhận về quản lý và bảo vệ rừng (sổ bìa xanh). Ngày 09/11/1999 được UBND huyện Sơn Động cấp chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ sổ bìa xanh chuyển sang sổ bìa đỏ), diện tích là 5ha, thuộc lô 2, khoảnh 26, thôn Nà Tèng, xã Vân Sơn ghi hộ ông Lục Văn N.

2.2. Về nguồn gốc đất của gia đình ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H: Năm 1993 gia đình ông C, bà H được chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn huyện Sơn Động giao cho quản lý, chăm sóc và bảo vệ rừng 01 lô đất lâm nghiệp, diện tích là 79.000m^2. Năm 1995 được UBND huyện Sơn Động cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ bìa xanh. Ngày 15/12/1999 được UBND huyện Sơn Động cấp chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chuyển đổi từ sổ bìa xanh sang sổ bìa đỏ)), diện tích là 7,9ha, thuộc lô 26 khoảnh 24, thôn Phe, xã Vân Sơn ghi hộ ông Lâm Văn C (Lâm Đình C).

2.3. Về nguồn gốc đất của gia đình ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N: Năm 2009 bà N được bố mẹ tặng cho diện tích đất lâm nghiệp 01ha; ngày 27/7/2009 đã được UBND huyện Sơn Động tách sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 765938 diện tích 01ha, loại đất rừng tái sinh thuộc lô L5, khoảnh 8, thôn Biếng, xã An Lạc. (việc tách sổ từ sổ của gia đình cụ Đ1, cụ Đ cho bà N được tách lô khoảnh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình, nhưng lô đất của bà N không được chia tách thể hiện trên bản đồ giao đất 02 của UBND xã).

2.4. Nguyên nhân xảy ra tranh chấp: Do lô đất của gia đình ông N với gia đình ông C và gia đình ông Đ có giáp ranh liền kề nhau, khi giao đất tại thực địa cho các hộ gia đình quản lý thì không có cắm mốc giới mà chỉ giao theo các điểm tọa độ theo bản đồ giao đất và thời điểm giao đất vẫn là rừng nguyên sinh dậm rạp. Sau khi được giao các hộ gia đình đã quản lý trông coi và bảo vệ rừng chứ chưa trồng cây phát triển kinh tế, từ đó các hộ gia đình không thường xuyên kiểm tra đất nên không xác định được rõ mốc giới theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản đồ quản lý đất đai; thời điểm sau do rừng nghèo kiệt nên các hộ gia đình trồng cây phát triển kinh tế thì gia đình ông N mới kiểm tra đất của gia đình mình được giao theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì xảy ra tranh chấp. Trước thời điểm năm 2008 gia đình ông Đ đã trồng cây Thông, gia đình ông C đã trồng cây keo trên 1 phần diện tích đất của gia đình ông N; tháng 7 năm 2017 gia đình ông Đ, gia đình ông C tiếp tục phát quan trồng cây keo lên toàn bộ diện tích đất của gia đình ông N (gia đình C 12.421m^2, gia đình ông Đ 18.811m^2). Gia đình ông N đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông Đ, gia đình ông Ch trả lại diện tích đất lấn chiếm nhưng gia đình ông Ch, ông Đ không nhất trí trả mà vẫn tiếp tục trồng cây.

UBND xã đã tiến hành hòa giải nhưng không thành và có kết luận: Một phần diện tích đất tranh chấp gia đình ông Lâm Đình C đang quản lý và toàn bộ diện tích đất tranh chấp gia đình ông Vũ Quang Đ đang quản lý nằm trong lô 02, khoảnh 26 đất của gia đình ông N. Quá trình hòa giải thì gia đình ông Nvà gia ông C có tự thỏa thuận được với nhau về việc chia đôi diện tích đất tranh chấp, nhưng sau gia đình ông C lại thay đổi ý kiến không đồng ý nữa.

UBND xã đã yêu cầu gia đình ông Đ và gia đình ông C trả lại diện tích đất tranh chấp cho gia đình ông N quản lý, sử dụng nhưng gia đình ông Đ và gia đình ông C không đồng ý trả. Do gia đình các bị đơn không trả đất nên ngày 16/01/2019 ông N, bà T khởi kiện gia đình ông Đ, bà N và gia đình ông C, bà H ra Tòa án nhân dân huyện Sơn Động.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lục Văn N, bà Lê Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với gia đình ông Lâm Đình C từ 17.918m^2 xuống còn 12.421m^2, nay yêu cầu gia đình ông Lâm Đình C trả lại diện tích đất 12.421m^2 cho gia đình quản lý, sử dụng; ông N, bà T nhất trí thanh toán trả tiền tài sản trên đất cho gia đình ông C; Ông C không nhất trí với yêu cầu của ông N, bà T đưa ra.

Đối với yêu cầu khởi kiện gia đình ông Vũ Quang Đ: Hai bên gia đình ông N, bà Tvới gia đình ông Đ, bà N đã tự thỏa thuận giải quyết vụ án với nhau theo giấy thỏa thuận ngày 18/9/2019 đã giao nộp và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận đó.

2.5. Về tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp:

Nguyên đơn ông Lục Văn N, bà Lê Thị T cung cấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số sổ R106233, ngày 09 tháng 11 năm 1999 do UBND huyện Sơn Động cấp và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp sổ bìa xanh do UBND huyện cấp năm 1995.

Bị đơn ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H cung cấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số sổ P167995, ngày 15 tháng 12 năm 1999 do UBND huyện Sơn Động cấp ghi hộ ông Lâm Văn C và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp sổ bìa xanh do UBND huyện cấp năm 1995; 01 biên bản giao đất rừng, 01 thanh lý hợp đồng.

Bị đơn ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N cung cấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số sổ P765938, ngày 27 tháng 7 năm 2009 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp sổ bìa xanh do UBND huyện cấp năm 1995; 01 biên bản giao đất rừng, 01 bộ hồ sơ liên quan đến việc giao và nhận đất làm theo hợp đồng năm 1995.

Cơ quan Văn phòng đăng ký đất đai huyện Sơn Động: 01 bộ hồ sơ liên quan đến việc tách sổ, tặng cho đất giữa gia đình cụ Hoàng Vĩnh Đ với bà Hoàng Thị N.

2.6. Đối chiếu qua các tài liệu, chứng cứ mà các bên đương sự cung cấp và đưa ra như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng các giấy tờ liên quan, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bên bị đơn; quan điểm của UBND huyện Sơn Động; quan điểm của UBND xã Vân Sơn; ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động về việc giải quyết vụ án; kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thì thấy:

Gia đình ông Lục Văn N, bà Lê Thị T và gia đình ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H, gia đình ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N đều có đất được giao ở cùng khoảnh và đã được UBND huyện Sơn Động cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quá trình giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Sơn Động cho các hộ gia đình là đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

UBND xã Vân Sơn và đại diện chính quyền địa phương cũng xác nhận việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông N, gia đình ông C và gia đình ông Đ là đúng theo trình tự, thủ tục.

Về diện tích đất ông N, bà T khởi kiện gia đình ông C, bà H: Diện tích đất tranh chấp 12.421m^2 hiện gia đình ông C, bà H đang quản lý đã trồng cây keo. Căn cứ vào kết quản xem xét, thẩm định và đối chiếu bản đồ giao đất lâm nghiệp 02 thì diện tích đất 12.421m^2 nằm trong diện tích đất 50.000m^2 thuộc lô 02, khoảnh 26, thôn Nà Tèng, xã Vân Sơn của gia đình ông N, bà T đã được UBND huyện Sơn Động giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không nằm trong lô 26, khoảnh 27, thôn Phe, xã Vân Sơn mà gia đình ông C, bà H đã được UBND huyện Sơn Động giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình UBND xã Vân Sơn hòa giải thì gia đình ông C, bà H cũng đã tự nguyện nhất trí trả lại cho bên gia đình ông Nu, bà T ½ diện tích đất tranh chấp, nhưng sau đó gia đình ông C không thực hiện sự thỏa thuận đó.

Gia đình ông C cung cấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; 01 biên bản giao đất rừng, 01 thanh lý hợp đồng. Đây chỉ là những tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc giao đất, ký kết hợp đồng trông coi và bảo vệ rừng của các hộ gia đình từ năm 1995, từ đó thì đến năm 1999 các hộ gia đình được cấp chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, về vị trí và diện tích đất tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông C được giao.

Về gia đình ông Lục Văn N có một thời gian dài không quản lý tác động trên đất, UBND huyện Sơn Động có ý kiến như sau: Gia đình ông N đã vi phạm quy định về quản lý đất đai và phải xử lý, thu hồi theo điểm h khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai 2013, nhưng gia đình ông N không bị chính quyền địa phương hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập biên bản và xử lý vi phạm, nên diện tích đất thuộc lô 02 khoảnh 26 thôn Nà Tèng, xã Vân Sơn vẫn thuộc quyền quản lý, sử hữu hợp pháp của gia đình ông N.

Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Lâm Đình C ghi là Lâm Văn C không đúng với các giấy tờ tùy thân của C là ông Lâm Đình C, UBND xã xác nhận việc giao và cấp giấy chứng nhận đất cho gia đình ông Lâm Đình C là đúng, việc ghi tên đệm "Văn" là không đúng với họ tên thường gọi là do có sự nhầm lẫn ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.7. Từ phân tích đánh giá nêu trên:

Bị đơn gia đình ông C đưa ra những căn cứ pháp lý để bảo vệ quyền lợi cho mình là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ liên quan là không có căn cứ.

Nguyên đơn ông N, bà T đưa ra căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, biên bản hòa giải của UBND xã về việc gia đình ông C nhất trí trả lại ½ diện tích đất tranh chấp là có căn cứ.

Do vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lục Văn N, bà Lê Thị T đối với bị đơn gia đình ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H.

Buộc bị đơn ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Đức T1, anh Lâm Văn T2, anh Lâm Văn T3 và anh Lâm Thế T4 phải trả cho gia đình ông Lục Văn N, bà Lê Thị T quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 12.421m^2 thuộc lô 02, khoảnh 26, thôn Nà Tèng, xã Vân Sơn; có ranh giới tiếp giáp các điểm: Hướng Đông Bắc từ điểm V – B = 47m, Hướng Đông Nam từ điểm B – R = 199m, Hướng Tây Nam từ điểm R – L = 80m, Hướng Tây Bắc từ điểm L – V = 212m.

Về tài sản trên đất: Số cây keo gia đình ông C trồng trên đất chưa đến tuổi khai thác, nên cần giao cho gia đình ông Lục Văn N, bà Lê Thị T được sở hữu toàn bộ tài sản do gia đình ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H tạo lập gắn liền trên đất gồm: 1.304 cây keo có đường kính gốc dưới 5cm; 1.826 cây keo có đường kính gốc từ 5cm – 10 cm và 2.086 cây keo có đường kính gốc trên 10cm. Nguyên đơn ông Lục Văn N, bà Lê Thị T phải trả cho gia đình ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H số tiền giá trị tài sản (cây keo) là: 53.331.000đ.

2.8. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn Lục Văn N, bà Lê Thị T với bị đơn ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N, sự thỏa thuận cụ thể như sau: Ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N trả cho gia đình ông Lục Văn N, bà Lê Thị T quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp tranh chấp 18.811m^2 thuộc lô 02, khoảnh 26, thôn Nà Tèng, xã Vân Sơn; có ranh giới tiếp giáp các điểm: Hướng Đông Bắc nối liền các điểm từ B – C – D - E = 163m; Hướng Nam nối liền các điểm từ E - U = 280m; Hướng Tây Bắc nối liền các điểm từ U - R – B = 329m.

Gia đình ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N có tài sản gắn liền trên đất gồm: 1.740 cây keo có đường kính gốc dưới 5cm; 2.437 cây keo có đường kính gốc từ 5cm – 10 cm; 2.785 cây keo có đường kính gốc trên 10cm; 346 cây thông có đường kính gốc 20cm và 130 cây tre; gia đình ông N, bà T nhất trí để cho gia đình ông Đ khai thác cây xong thì gia đình ông Đ trả lại đất, thời gian trả đất chậm nhất đến ngày 23 tháng 03 năm 2020 (tức 30/2/2020 âm lịch).

2.9. Về án phí, phí thẩm định và định giá:

Về án phí: Nguyên đơn ông N, bà T, bị đơn ông C, bà H và ông Đ, bà N đều là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Về phí thẩm định, định giá: Số tiền đo đạc, thẩm định hết: 13.400.000đ, tiền định giá hết: 3.100.000đ; tổng cộng chi phí hết: 16.500.000đ. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, yêu cầu của bên bị đơn không được chấp nhận nên bên bị đơn ông Đ, bà N và ông C, bà H phải chịu toàn bộ tiền thẩm định, định giá mỗi gia đình 8.250.000đ. Gia đình ông N, bà T đã thỏa thuận với gia đình ông Vũ Quang Đ, ông N và bà T xin chịu toàn bộ tiền thẩm định, định giá cho gia đình ông Đ, bà N nên ông Đ, bà N không phải chịu nữa. Toàn bộ số tiền thẩm định, định giá và đo đạc do gia đình ông N nộp được trừ đi vào số tiền đã nộp, số tiền gia đình ông C nộp trả cho gia đình ông Lục Văn N.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 138; 166; 185; 357; khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự. khoản 1, Điều 147 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2, Điều 5, khoản 1 Điều 10; Điều 105, khoản 1 Điều 135 - Luật đất đai năm 2013. Điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án .

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lục Văn N, bà Lê Thị T đối với bị đơn ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H.

Buộc bị đơn ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Đức T1, anh Lâm Văn T2, anh Lâm Văn T3 và anh Lâm Thế T4 phải trả cho gia đình ông Lục Văn N, bà Lê Thị T quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp tranh chấp 12.421m^2 thuộc lô 02, khoảnh 26, thôn Nà Tèng, xã Vân Sơn; có tiếp giáp các điểm: Hướng Đông Bắc từ điểm V – B = 47m, Hướng Đông Nam từ điểm B – R = 199m, Hướng Tây Nam từ điểm R – L = 80m, Hướng Tây Bắc từ điểm L – V = 212m.

Về tài sản trên đất: Giao cho gia đình ông Lục Văn N, bà Lê Thị T được sở hữu toàn bộ tài sản do gia đình ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H tạo lập gắn liền trên đất gồm: 1.304 cây keo có đường kính gốc dưới 5cm; 1.826 cây keo có đường kính gốc từ 5cm – 10 cm và 2.086 cây keo có đường kính gốc trên 10cm.

Nguyên đơn ông Lục Văn N, bà Lê Thị T phải trả cho gia đình ông Lâm Đình C, bà Vi Thị H số tiền giá trị tài sản (cây keo) là: 53.331.000đ.

Về lãi suất chậm Thi hành án: Thực hiện theo khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giữa nguyên đơn ông Lục Văn N, bà Lê Thị Tvới bị đơn ông Vũ Quang Đ bà Hoàng Thị N, sự thỏa thuận cụ thể như sau: Ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N trả cho gia đình ông Lục Văn N, bà Lê Thị T quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp tranh chấp 18.811m^2 thuộc lô 02, khoảnh 26, thôn Nà Tèng, xã Vân Sơn; có ranh giới tiếp giáp các điểm: Hướng Đông Bắc nối liền các điểm từ B – C – D

- E = 163m; Hướng Nam nối liền các điểm từ E - U = 280m; Hướng Tây Bắc nối liền các điểm từ U - R – B = 329m.

Gia đình ông Vũ Quang Đ, bà Hoàng Thị N có tài sản gắn liền trên đất gồm: 1.740 cây keo có đường kính gốc dưới 5cm; 2.437 cây keo có đường kính gốc từ 5cm – 10 cm; 2.785 cây keo có đường kính gốc trên 10cm; 346 cây thông có đường kính gốc 20cm và 130 cây tre; gia đình ông Đ, bà N phải khai thác cây trên đất để trả lại đất cho gia đình ông N, bà T; thời gian trả chậm nhất đến ngày 23 tháng 03 năm 2020 (tức 30/2/2020 âm lịch).

Có sơ đồ đo vẽ kèm theo.

[3] Về án phí, phí thẩm định và định giá:

Về án phí: Nguyên đơn ông N, bà T; bị đơn ông Đ, bà N và ông C, bà H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Về phí thẩm định, định giá: Hết số tiền 16.500.000đ, ông N và bà T đã nộp tạm ứng. Buộc ông N, bà T chịu 8.250.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp; buộc ông C, bà H chịu 8.250.000đ. Số tiền ông C, bà H nộp trả lại cho ông Lục Văn N, bà Lê Thị T.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết ./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Trần Văn Toàn